

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 25 – 8 - 2020  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Mận.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thông Phi;
2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNHD ngày 07/7/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 16/2020/TB-TA ngày 23/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa (lần 2) số 22/2020/QĐST-HNHD ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị **Huỳnh Thị Bích T**, sinh năm: 1990; địa chỉ: xóm 4, thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

***Bị đơn:*** Anh **Trần Văn T1**, sinh năm: 1987; địa chỉ: khu phố L1, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa Chị T có mặt còn anh T1 vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2020, biên bản lấy lời khai, tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị Huỳnh Thị Bích T trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Chị T và anh Trần Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do chị T phát hiện anh T1 sử dụng ma túy đá từ thời gian chị T mang thai. Mặc dù gia đình anh T1 đã tạo điều kiện và đưa anh T1 đi cai nghiện tự nguyện một lần nhưng sau khi cai nghiện trở về anh T1 không thay đổi mà còn tiếp tục sử dụng ma túy nhiều hơn làm ảnh hưởng đến đời sống và sức khỏe, tâm lý của cả gia đình. Chị T đã tạo điều kiện cho anh T1 nhiều cơ hội cai nghiện ma túy để trở lại với cuộc sống bình thường với gia đình nhưng anh T1 vẫn không sửa đổi được. Bản thân anh T1 do ảnh hưởng bởi chất kích thích nên nhiều lúc không làm chủ được hành vi của mình, có lần đã đánh chị T phải nhập viện. Hiện tại chị T cũng đã hết tình cảm với anh T1 nên có nguyện vọng được ly hôn không muốn tiếp tục chung sống với anh T1 nữa.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, chị T và anh T1 có 01 người con chung tên là Trần T2, sinh ngày 30/7/2018, hiện đang ở với chị T. Chị T có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con T2 cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ chị T cung cấp kèm theo đơn khởi kiện gồm*: sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân (bản sao); 01 trích lục khai sinh (bản sao) và giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

*Theo biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn T1 trình bày như sau*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T1 và chị Huỳnh Thị Bích T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 sử dụng ma túy còn chị T thì chơi số đề, bài bạc gây ra nợ nần nên vợ chồng cãi vã, gây gỗ nhau. Hiện nay anh T1 đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Bình Thuận và nhận ra sai lầm của bản thân. Nay chị T có yêu cầu ly hôn với anh T1, anh không đồng ý vì anh còn nhiều tình cảm cho vợ con và đang chờ cai nghiện trở về sẽ cố gắng vun đắp lại hạnh phúc gia đình.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, giữa anh T1 và chị T có 01 người con chung tên là Trần T2, sinh ngày 30/7/2018. Do anh T1 không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Trần Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:* sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân (bản sao); 01 trích lục khai sinh (bản sao) và giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; biên bản lấy lời khai của nguyên đơn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của bị đơn theo Quyết định ủy thác; các biên bản xác minh; biên bản hòa giải do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

*Các tình tiết mà các bên đã thống nhất với nhau:* Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Các tình tiết mà các bên không thống nhất với nhau:* Về hôn nhân, chị T có yêu cầu được ly hôn, anh T1 không đồng ý ly hôn với chị T; về con chung: chị T có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng một người con chung nhưng anh T1 không đồng ý giải quyết phần con chung vì không đồng ý ly hôn.

*Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Văn T1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án để tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Bích T. Chị Huỳnh Thị Bích T được ly hôn với anh Trần Văn T1.

Về con chung: Giao cho chị Huỳnh Thị Bích T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên là Trần T2, sinh ngày 30/7/2018 cho đến khi thành niên.

Anh Trần Văn T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ án này là phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Bích T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về thẩm quyền:*

Xét yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Huỳnh Thị Bích T, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### *[2] Về tố tụng:*

Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh Trần Văn T1 lần thứ hai nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

#### *[3] Về quan hệ hôn nhân:*

Xét yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Bích T đối với anh Trần Văn T1.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Huỳnh Thị Bích T và anh Trần Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh T1 nghiện ma túy, anh T1 từng đi cai nghiện tự nguyện 01 tháng tại Đồng Nai nhưng anh T1 không từ bỏ được mà tiếp tục sử dụng ma túy nhiều hơn; gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T1 vẫn không thay đổi và hiện nay đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Bình Thuận; trong khi đó, anh T1 cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do một phần chị T chơi số đề cờ bạc gây ra nợ nần dẫn đến anh T1 buồn bực lâm vào tệ nạn xã hội, sử dụng ma túy. Hiện nay anh T1 nhận ra lỗi lầm của bản thân và mong muốn sửa đổi để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên khi chị T có yêu cầu ly hôn, anh T1 không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, qua xác minh tại địa phương và quá trình giải quyết vụ án cho thấy mâu thuẫn chủ yếu giữa chị T và anh T1 xuất phát từ việc anh T1 sử dụng ma túy làm ảnh hưởng đến sức khỏe cũng như đời sống, tâm lý của mọi người trong gia đình, bản thân chị T và gia đình anh T1 nhiều lần tác động anh T1 cai nghiện, từ bỏ việc sử dụng ma túy để tránh những hệ quả do ma túy gây nên nhưng anh T1 không từ bỏ mà vẫn tiếp tục lâm vào tệ nạn xã hội. Tại phiên tòa, chị T cương quyết xin được ly hôn với anh Trần Văn T1 vì hiện nay chị T không còn tình cảm với anh T1 và mong muốn được ly hôn với anh T1 để được ổn định cuộc sống để tập trung làm ăn và lo cho con.

Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh T1 không còn sự thương yêu, quan tâm chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình cùng nhau. Mặt khác, việc anh T1 sử dụng ma túy, đây là vấn nạn của xã hội và việc sử dụng ma túy trong thời gian dài làm sẽ phát sinh những hệ lụy, ảnh hưởng đến những người xung quanh. Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh T1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của Huỳnh Thị Bích T là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*[4] Về con chung:*

Chị Huỳnh Thị Bích T có yêu cầu nuôi dưỡng một người con chung tên là Trần T2, sinh ngày 30/7/2018 cho đến khi thành niên cho đến khi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng;

Xét thấy, cháu Trần T2, sinh ngày 30/7/2018, hiện nay cháu T2 khoảng 25 tháng tuổi và đang do Chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”.

Mặt khác, hiện nay anh Trần Văn T1 đang điều trị nghiện ma túy tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Bình Thuận và không có mặt tại địa phương. Việc giao con cho cha hoặc mẹ cần đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất cho con về tâm sinh lý và phát triển về thể chất.

Do đó, để đảm bảo môi trường phát triển tốt nhất hiện nay của cháu T2, cần giao cho chị Huỳnh Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng người con Trần T2, sinh ngày 30/7/2018 cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[5] Về tài sản chung, nợ chung:*

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét là phù hợp.

*[6] Về án phí:*

Chị Huỳnh Thị Bích T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 4 điều 147, Điều 203; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các Điều 262, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 115, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Bích T.

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Huỳnh Thị Bích T được ly hôn với anh Trần Văn T1.

- *Về con chung:*

Giao cho chị Huỳnh Thị Bích T tiếp tục có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên là Trần T2, sinh ngày 30/7/2018 cho đến khi thành niên.

Anh Trần Văn T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

**3. Về án phí:**

Chị Huỳnh Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 003373 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận. Chị Huỳnh Thị Bích T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn (chị T) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/8/2020). Bị đơn (anh T1) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

*(Đã giải thích quyền kháng cáo)*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Mận**